

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tam Xuân)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh %	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN	1.839.000.000	608.400.000	41.686.519.675	15.209.757.386	2.266,80	2.499,96
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN			27.910.894.290	1.434.132.001		
I	Thu nội địa	1.839.000.000	608.400.000	27.878.526.290	1.401.764.001	1.515,96	230,40
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			94.278.000			
	Thuế giá trị gia tăng			94.278.000			
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý			68.434.463			
	Thuế giá trị gia tăng			68.434.463			
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	1.465.000.000	234.400.000				
	Thuế giá trị gia tăng	1.465.000.000	234.400.000				
4	Thu từ các DN ngoài QĐ			6.769.332.655	329.107.340		
	Thuế giá trị gia tăng			6.067.207.665	329.107.340		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			684.456.844			
	Thuế TTĐB hàng hoá, dịch vụ trong nước			17.668.146			
5	Thuế thu nhập cá nhân			1.910.844.901			
6	Thuế bảo vệ môi trường						

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh %	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
7	Lệ phí trước bạ			4.301.337.193			
8	Thu phí, lệ phí	207.000.000	207.000.000	440.849.000	310.424.000	212,97	149,96
	<i>Phí và lệ phí trung ương</i>			104.425.000			
	<i>Phí và lệ phí tỉnh</i>						
	<i>Phí và lệ phí huyện</i>			105.400.000	88.400.000		
	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>			231.024.000	222.024.000		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000.000	40.000.000	163.655.359	163.655.359	409,14	409,14
11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			72.082.909			
12	Thu tiền sử dụng đất			13.027.332.000			
16	Thu khác ngân sách	76.000.000	76.000.000	932.279.610	500.477.102	1.226,68	658,52
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	51.000.000	51.000.000	98.100.200	98.100.200	192,35	192,35
IV	Thu viện trợ						
V	Các khoản huy động, đóng góp			32.368.000	32.368.000		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			13.775.625.385	13.775.625.385		